

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ HÔN NHÂN - GIA ĐÌNH Ở NGÀ THỜI PIE ĐẠI ĐẾ

Phạm Xuân Hằng, Đoàn Thị Hòa

*Khoa Lịch sử*

*Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội*

Trong thời kỳ Trung đại, phong tục kết hôn ở Nga rất lạc hậu và độc đoán. Cũng như ở các nước phương Đông, trong hôn nhân, vai trò của cha mẹ mang tính quyết định. Giới trẻ không được tự do lựa chọn người bạn đời. Con cái phải tuân theo sự sắp xếp của cha mẹ theo kiểu “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”.

Theo ghi chép của một số nhà sử học Nga và một số người nước ngoài đến nước Nga thời đó với tư cách nhà ngoại giao, thương nhân, du khách... ta có thể hình dung được phần nào bức tranh hôn nhân-gia đình ở nước Nga vào cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII.

Vào thời bấy giờ, chú rể và cô dâu không được gặp nhau trước ngày cưới. Theo tục lệ, gia đình chú rể đưa ra ý kiến trước. Bố, mẹ hoặc một người họ hàng chú rể đến nhà gái để đàm hỏi [1, tr.210-211],[2, tr.112]. Trong buổi lễ đàm hỏi, hai bên định ngày “thương lượng” và lập bản thỏa thuận kết hôn.

Vào ngày “thương lượng”, chàng rể tương lai cùng bố mẹ và họ hàng thân thiết đến nhà người vợ sắp cưới. Bố mẹ cô gái ra đón. Họ cúi xuống sát đất và mời khách ngồi vào những chỗ danh dự. Chỉ có đàn ông và một linh mục tham dự vào cuộc “thương lượng”. Sau khi đã ký kết bản thỏa thuận, mọi người đi sang phòng bên để chúc mừng mẹ cô dâu đang chờ ở đó. Con gái không dám chống lại quyết định của bố mẹ và bố mẹ chỉ nói qua loa về ý định của mình [11, tr.3]. Theo lời của một du khách Hà Lan là Iakov Streys thì những người Matxcơva cưới nhau mà “không gặp nhau lần nào, thậm chí họ không được làm quen với nhau. Điều đó thường xuyên là nguyên nhân của sự bất đồng trong gia đình”[4, tr.169].

Vấn đề quan trọng nhất trong buổi đàm hỏi là sự mặc cả của hồi môn. Bố mẹ chú rể phải cố gắng bằng mọi cách để làm sao cho con mình nhận được nhiều của cải nhất. “Chú rể, người chuẩn bị kết hôn với cô gái mà anh ta chưa bao giờ thấy mặt, cùng gia đình và họ hàng tiến hành cuộc thương lượng về của hồi môn” [7, tr.176]. Vào cuối thế kỷ 17, một người Áo đến Matxcơva đã nhận xét rằng không có gì ngạc nhiên khi “người đàn ông đi hỏi vợ không những không thể nói chuyện với cô ta mà còn thậm chí không nhìn thấy mặt cô gái. Mẹ chàng rể hay một người đàn bà khác sẽ thay mặt chàng rể đặt vấn đề. Sau đó, được sự đồng ý của cha mẹ cô gái (nếu họ không đồng ý thì cuộc hôn nhân bị coi là không hợp pháp), hai bên tiến hành

thương lượng về của hồi môn. Tùy thuộc vào hoàn cảnh gia đình cô dâu của hồi môn đôi lúc khá đáng kể" [5, tr.289].

Bước tiếp theo, cha mẹ hai bên thỏa thuận việc xem mặt cô dâu tương lai. Người được xem mặt cô dâu là mẹ hay chị chú rể. Cuộc xem mặt này diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng thường được tổ chức tại bàn ăn trưa. Cô gái mặc bộ đồ đẹp nhất, cùng với tám mạng che mặt. Chú rể thường không được phép thấy cô dâu trước ngày cưới và buộc phải hài lòng với những tin tức về cô dâu mà người xem mặt kể lại. Thông thường chú rể chỉ có thể nhìn thấy mặt cô dâu trong lễ cưới khi người ta mở tám mạng che mặt của cô dâu. Và, người chồng chỉ có thể chiêm ngưỡng cô vợ trẻ sau đêm tân hôn, khi mà anh ta không còn sự lựa chọn nào khác.

Đối với cô gái, bố mẹ không hề hỏi ý kiến cô về vị hôn phu. Cô không biết mình sẽ lấy ai. Theo lời kể của Korb (Bí thư Đại sứ quán Áo), sau khi đã hứa sẽ thu xếp cuộc hôn nhân, ông bố liền gọi con gái còn đeo mạng vào và hỏi xem cô đã quyết định lấy chồng chưa. Sau đó người bố khê đánh cô bằng chiếc roi mới và nói: Con gái yêu quý của ta, trận đòn cuối cùng này sẽ giúp con nhớ đến quyền lực của người cha. Lâu nay, con sống tuân theo quyền của cha. Giờ đây, cha buông con ra khỏi tay mình. Nhưng con hãy nhớ rằng con không được giải phóng mà sẽ chuyển sang sống dưới quyền lực của người khác. Nếu con không biết cư xử tốt với chồng thì chồng con sẽ thay cha dạy con bằng cái roi này. Kết thúc những lời này ông bố giao chiếc roi cho chàng rể. Chú rể, theo tục lệ, từ chối và nói rằng anh ta không tin chiếc roi sẽ cần cho anh, nhưng cuối cùng anh ta vẫn phải nhận và giắt vào thắt lưng như một món quà quý giá [5, tr.290]. Như vậy, thân phận của người con gái đã chuyển sang một kiếp nô lệ mới. Cô không thể tự do đi lại nếu thiếu sự cho phép của chồng. Thậm chí khi đi nhà thờ cô cũng phải xin phép chồng.

Thời xưa ở nước Nga, người ta thường dựng vợ gả chồng cho con cái từ rất sớm. Do vậy, nạn tảo hôn phổ biến ở Nga thời bấy giờ, có khi chú rể chỉ 12, 13 tuổi. Việc người Nga lấy vợ muộn hoặc không lấy vợ là rất hiếm, trừ trường hợp vì nguyên nhân bệnh tật. Nhà sử học người Đức Adam Oleari đến Matxcova vào thế kỷ 17 đã rất ngạc nhiên khi thấy người ta làm đám cưới cho trẻ em 12 tuổi, thậm chí sớm hơn [1, tr.130-131]. Thuyền trưởng Perri làm việc ở Nga lâu hơn thì kể rằng "Ở đây người ta lấy vợ, lấy chồng rất sớm, đôi khi trước 13 tuổi" [3, tr.129]. Đại sứ Đan Mạch Iuct Iul kể lại trong những ghi chép của mình rằng, vợ một chủ nhà nơi ông ta nghỉ thậm chí chưa đến 12 tuổi [6, tr.357]. Vào đầu thế kỷ 18, xuất hiện xu hướng gia tăng tuổi dựng vợ gả chồng. Cũng Đại sứ Iuct Iul trong một lần khác đã nhận xét là ở vùng thôn quê "các chàng lấy vợ lúc 16 tuổi, còn các cô gái lấy chồng lúc 14 tuổi" [6, tr.55].

Như vậy, tập tục hôn nhân ở Nga trước đây cũng giống như ở Việt Nam dưới thời phong kiến, rất cổ hủ và lạc hậu. Trong hôn nhân hầu như không thấy bóng dáng của tình yêu lứa đôi và sự tự do lựa chọn người bạn đời. Chuyện hôn nhân hoàn toàn do cha mẹ ép buộc và áp đặt.

Chính vua Pie Đại đế đã phê phán kiểu kết hôn “cha mẹ đặt đầu con ngồi đấy” hết sức độc đoán và bỏ qua sự đồng ý của đôi trẻ. Ông cố gắng cải cách sự kết hôn trên cơ sở có lý hơn. Trong những sắc lệnh đầu tiên của Pie Đại đế về vấn đề hôn nhân gia đình, người ta thấy những qui định rất gắn gũi với cách thức hôn nhân ở Tây Âu. Theo những sắc lệnh này “không ai phải kết hôn thiếu tình yêu và sự tự nguyện, mọi người đều có quyền thăm hỏi và gặp gỡ cô dâu, ít nhất là sáu tuần trước khi cưới” [3, tr.130]. Như vậy, chú rể và cô dâu cần phải đính hôn trước lễ kết hôn chính thức sáu tuần và cuộc gặp gỡ giữa cô dâu và chú rể trở thành một điều kiện cần thiết của lễ đính hôn. Trước kia, người ta dấu chú rể về cô dâu mà gia đình đã chọn. Cô dâu cũng không có quyền nói lên ý kiến của mình về chuyện hôn nhân. Nhưng giờ đây, chú rể có thể từ chối sự lựa chọn của gia đình nếu người ta không cho anh gặp mặt vị hôn thê. Tương tự, người con gái cũng có quyền phá bỏ lễ đính hôn và cuộc hôn nhân đã thỏa thuận. Lớp trẻ hưởng ứng rất nhanh những thay đổi này. Nhà sử học Sherbatov biểu lộ sự đồng cảm với giới trẻ về những cải cách trong hôn nhân. “Họ thật vui vì được gặp gỡ và tìm hiểu người mà mình sẽ gắn bó suốt đời. Mặt khác, các chàng trai cảm thấy hào hứng vì có thể gặp mặt người vợ tương lai của mình mà không phải nhìn qua lăng kính của cha mẹ như trước đây. Nếu xưa kia không hề có tình yêu cuồng nhiệt, thì giờ đây nam nữ đã được tự do luyện ái” [8, tr.18].

Việc tranh luận về vai trò của cha mẹ trong hôn nhân là cơ sở để soạn thảo những điều luật về hôn nhân gia đình. Năm 1722, Pie Đại đế ra sắc lệnh cho Thượng nghị viện và Hội đồng thánh giáo cấm những cuộc hôn nhân do sự ép buộc của cha mẹ hay người đỡ đầu, đồng thời cũng cấm các chủ nô ép duyên những nô lệ của mình [9, tr.103]. Ngày 5 tháng 1 năm 1724, Pie Đại đế nhất ký sắc lệnh nói rõ: “Trên toàn vương quốc Nga, từ nay trở đi cha mẹ và những chủ nô không được cưỡng bức con cái và nô lệ của mình vào cuộc hôn nhân mà không có sự tự nguyện của họ. Những người vi phạm sẽ bị trừng phạt nặng nề” [12, tr.197]. Theo sắc lệnh, trong buổi lễ thành hôn, với sự có mặt của linh mục hoặc thành viên của Hội đồng thánh giáo, bố chú rể thể rằng con trai ông được sự cho phép của ông “kết hôn theo đúng luật pháp, không bị cưỡng ép, với ý định tốt đẹp và mong muốn cuộc hôn nhân sẽ lâu bền mãi mãi” [12, tr. 197]

Ở nước Nga ngày xưa, hôn lễ bao gồm các nghi thức dân tộc cổ truyền qua tiệc cưới và hôn lễ tại nhà thờ.

Người ta bắt đầu tổ chức đám cưới bằng việc chuẩn bị giường chiếu cho đôi vợ chồng trẻ. Theo những lời kể khác nhau, buổi tối trước ngày cưới, mẹ đẻ cô dâu cùng mấy người đàn bà dẫn cô dâu mang chăn màn tới nhà chú rể. Cô dâu ngủ lại một mình dưới sự canh gác để chú rể không thể nhìn thấy [2, tr.142], [5, tr.290]. Căn phòng được chọn làm phòng tân hôn là nơi để rơm và thường không được sưởi ấm [10, tr.255]. Giường chiếu trải trên 40 tấm nệm rơm. Trong các góc phòng treo các chiếc bánh và các bộ lông thú, còn ở đầu giường thì đặt nền kết hôn, trên bàn

đặt áo lông thú. Tất cả các bộ đồ cưới được gắn liền với yêu thuật của các chủ đất và thợ săn cổ [13, tr.230-240].

Vào lúc bình minh của ngày cưới, cha mẹ và bạn gái tiễn cô dâu đến nhà thờ. Mặt cô dâu che mạng. Cũng như vậy, chú rể được người thân đưa tiễn. Trong lễ cưới, mỗi người kể cả những người nghèo nhất cũng đi xe chứ không đi bộ cho dù nhà thờ rất gần. Linh mục tiến hành các nghi lễ trong nhà thờ. Những nghi lễ đó diễn ra giống như ở những người theo đạo Christian. Người ta đưa cho cô dâu chiếc nhẫn, dấu hiệu của lòng chung thủy. Tay cô dâu được đặt vào tay chú rể. Sau đó, cô tiễn lại chỗ chú rể và quỳ xuống, đầu chạm mũi giày, tỏ dấu hiệu rằng cô sẽ hoàn toàn phục tùng chồng! Về phía mình, chú rể dùng khăn hay áo của mình che cô dâu, biểu hiện của trách nhiệm bảo vệ và yêu thương người vợ. Sau đó những người thân và bạn bè hai bên tiễn lại chỗ cô dâu, chú rể và cúi chào họ để biểu lộ tình bạn. Cuối cùng bố chú rể đưa bánh mì cho linh mục. Ông ta lập tức đưa nó cho bố cô dâu kèm theo lời yêu cầu hãy trả cho chú rể khoản hồi môn như đã hứa vào ngày nhất định. Đồng thời linh mục yêu cầu họ hàng hai bên giữ gìn tình hòa hiếu giữa hai họ. Sau đó người ta bẻ bánh mì thành từng miếng và cùng ăn. Việc ăn những mẩu bánh mì chấm muối này là biểu hiện sự thân thiết của những người trong hai họ coi nhau như những phần nhỏ của một chiếc bánh mì [2, tr.142], [5, tr.290] (tục lệ này còn tồn tại cho đến ngày nay). Sau khi thực hiện xong những nghi lễ này, chú rể dẫn cô dâu vào căn phòng sau của nhà thờ và rót cho cô dâu một chén mật đầy. Cô dâu nhận lấy và uống hết chén mật dưới tấm khăn che mặt.

Sau những nghi thức đó, cô dâu và chú rể cùng người thân thích quay lại nhà cha mẹ chú rể. Tại đây, khi cô dâu chú rể bước vào, người ta rắc hạt giống lên người cô dâu chú rể. Điều đó thể hiện ước muốn đôi vợ chồng trẻ sẽ giàu có và sinh con đàn cháu đống (ước vọng phồn thực?). Trong khi khách khứa ăn uống, đôi vợ chồng trẻ phải thực hiện điều bí mật của hôn nhân. Khi cả hai đã nằm lên giường hai hoặc ba tiếng, vài người khách bước vào và hỏi xem cô dâu có giữ được trinh tiết hay không. Nếu chú rể trả lời là có, đôi vợ chồng trẻ sẽ được chào đón vui vẻ. Trong trường hợp ngược lại, cha mẹ chú rể thông qua bà mối nói với bố mẹ cô dâu rằng họ không biết giữ gìn con cái. Việc chỉ dừng lại ở đó. Tiệc cưới tiếp tục hai, ba ngày nữa.

Cho đến đầu thế kỷ 18, về cơ bản nghi lễ cưới xin ở Nga vẫn theo các tập tục trước đây. Song, cũng vào thời gian này, văn hoá phương Tây bắt đầu ảnh hưởng đến nghi thức hôn nhân ở Nga. Trong đám cưới ở các gia đình quý tộc quan lại ở Petechua, người ta nhảy múa tới một lữ các điệu nhảy Ba Lan, Anh, và Pháp [14, tr.1687]. Bản thân Piôt Đệ nhất cũng là người yêu thích các trò vui ở đám cưới. Ông trăn trở với ý nghĩ làm sao có thể tăng cường việc vui chơi ở các đám cưới bằng cách giảm bớt những nghi thức hôn lễ tại nhà thờ. Năm 1703, Hoàng đế đến nhà thờ tham dự đám cưới của I.Ph.Golovin và ông ra lệnh cho linh mục tiến hành nhanh chóng các nghi lễ kết hôn. Linh mục đã làm phép cưới cho đôi vợ chồng trẻ mà không đọc hết

thành kinh [15, tr.112]. Vào tháng 2 năm 1724, Pie Đệ nhất ra lệnh cho Hội đồng thành giao thay đổi thành kinh hôn lễ và in sách đó ngắn gọn lại [9, tr.125].

Nghi lễ đám cưới được tiến hành theo đúng tập tục ở những đôi trẻ cưới lần đầu hoặc lần thứ hai hay lần thứ ba. Nhưng những lần sau, nó không còn có được vẻ thiêng liêng như lần hôn nhân thứ nhất. Theo Korb, luật của Matxcova không cho phép cưới lần thứ tư nên các ông chồng đối xử với vợ thứ ba tốt hơn cả. Vì nếu họ chết, các ông chồng không được phép lấy vợ mới. Còn với các bà vợ thứ nhất và thứ hai, các ông chồng Matxcova đối xử với họ như với nô lệ bởi người chồng hy vọng ở các cuộc hôn nhân tiếp theo. Thực tế, một vài người có quyền lực cố gắng xin giáo trưởng cho mình được lấy vợ lần thứ tư. Nếu giáo trưởng không từ chối nhưng cũng không đồng tình thì cuộc hôn nhân đó bị coi là bất hợp pháp [5, tr.290]. Khác với người Nga, người Cốtéc lại có thể ly dị vợ bao nhiêu lần tùy ý!

Thời xưa, người phụ nữ có hai chồng phải chịu đựng những hình phạt hà khắc theo qui định của luật định về hôn nhân. Tới đầu thế kỷ 18, người có lỗi chỉ đơn giản bị trả lại cho người chồng thứ nhất sau khi đã hồi lỗi, còn người đàn ông thứ hai thì được quyền lấy vợ mới [16, tr.52].

Những người ngoại quốc tới nước Nga có cảm giác rằng việc ly dị ở Nga tương đối dễ dàng. Linh mục người Thụy Sĩ Sederberg đã sống nhiều năm ở Nga khi ông là tù nhân của cuộc chiến tranh phương Bắc, cho rằng với người Nga "Việc ly dị là rất bình thường và hay xảy ra vì những lý do vô vẩn" [17, tr.22]. Một học giả nước ngoài khác khi nghiên cứu phong tục tập quán Nga là Iakov Reitelphels đã ghi lại: "Họ thường ly dị vì những chuyện vô vẩn, được giải quyết theo nghi thức ly dị và được linh mục tuyên bố cho phép ly dị [7, tr.177].

Nhà nghiên cứu lịch sử M.Serbatov đã phê phán mạnh mẽ việc ly dị trong thời kỳ Pie Đệ nhất và cho rằng: "Chúng ta có thể coi thời kỳ đó là thời kỳ đầu tiên người phụ nữ Nga bắt đầu bỏ chồng". Ông kể rằng, Stepan Pheđorovich Ushakov rất yêu vợ nhưng cô vợ bỏ Stepan để lấy tình nhân của mình" [8, tr.66]. Serbatov còn cho rằng cuộc ly dị trong gia đình A.B.Apraskin đã phá vỡ những qui định và phong tục cổ. Serbatov thậm chí còn phê phán Pie Đệ nhất vì ông đã cho phép bà tước Nikita Ivanovich Repnin có vợ thứ tư và công nhận con cái mang họ Repninski [8, tr.67].

Trong thời Pie Đệ nhất đã xảy ra việc ly dị vợ của viên tướng kiêm Viện trưởng Viện kiểm sát L.I.Iagudzinski. Ông là một trong những quan chức cao cấp thời đó. Cuộc ly dị đã gây nên làn sóng phê phán mạnh mẽ của những người bảo thủ. Trên thực tế, điều đó đánh dấu cho những thay đổi trong quan hệ hôn nhân gia đình. L.I.Iagudzinski không thể chịu đựng nổi tính khí điên rồ của bà vợ A.Ph. Iagudzinskaia. Khi lên cơn bà ta cắn tất cả những ai rơi vào tay bà ta, tự xé quần áo của mình. Biết được tình cảnh sự việc, Pie Đệ nhất nói thương để tạo ra hôn nhân để làm nhẹ bớt cuộc sống con người trong đau khổ và sóng gió của cuộc sống trần gian. Không có mối liên hệ nào trên thế giới lại thiêng liêng hơn mối liên hệ vợ

chồng tốt đẹp, còn nếu cuộc sống vợ chồng không tốt đẹp thì nó trái ngược ý Chúa, bởi vậy việc phá bỏ một cuộc hôn nhân như vậy không những công bằng mà còn có ích, tiếp tục cuộc hôn nhân như vậy là vô cùng nguy hiểm cho việc cứu rỗi linh hồn. Như vậy, Pie Đại đế đã trực tiếp can thiệp vào việc này. Một năm sau, Hội đồng thánh giáo đã phê chuẩn đơn xin ly dị của Iagudzinski.

Những cuộc ly dị do thiếu chung thủy của vợ hay chồng không nhiều. Sederberg khẳng định, dường như trong cuộc sống của người Nga việc không chung thủy là chuyện bình thường. Ngoại tình không bị coi là tội lỗi trừ trường hợp người con trai cướp người phụ nữ đã có chồng về làm vợ. Trong trường hợp này kẻ cướp vợ bị phạt đánh roi [17, tr.22]. Sherbatov kể rằng, khi bá tước I.Iu.Trubeshki bị bắt làm tù binh của quân Thụy Sĩ, ông có tình nhân là một người đàn bà đáng kính trọng tại Stockholm. Bá tước thuyết phục bà là ông có một đứa con trai nhưng góa vợ và bà đã trở thành người tình của ông. Chuyện đó xảy ra thời Pie Đại đế và đã được dư luận chấp nhận" [8, tr.67].

Sự không hòa hợp của các cặp vợ chồng và những trận đòn dã man của người chồng không phải là nguyên do chính đáng để ly dị. Thậm chí, cả Pie Đại đế cũng không chú ý tới những lời oán thán của các bà vợ về các ông chồng. Theo Becgôn, khi một người vợ kêu ca rằng ông chồng đối xử với bà ta rất tệ thì Pie nói rằng: "Bà cần tự mình đánh lại ông chồng. Nhưng bà vợ từ chối không làm điều đó. Pie cầm lấy tay bà ta và bạt tai ông chồng. Sau khi đã đánh đùa như vậy, hoàng đế cũng ra lệnh ông chồng đánh bà vợ. Ông chồng chẳng cần chờ đợi liền bạt tai bà vợ hai cái thật mạnh. Nga hoàng cảm thông với người đàn bà bị đánh nên mắng ông chồng khá thậm tệ và nghiêm khắc yêu cầu ông chồng phải đối xử với vợ tốt hơn" [18, tr.31-32].

Trong các cuộc ly dị, phụ nữ thường đóng vai trò bị động và chịu thua thiệt. Lý do ly dị thường do người chồng nêu ra trước. Nhiều ông chồng không muốn sống với vợ nữa thì đánh vợ, hành hạ vợ và buộc vợ vào sống ở tu viện. Cũng có khi các bà vợ vào sống ở tu viện để trốn tránh cuộc sống vợ chồng khắc nghiệt. Năm 1716, Veber, thống đốc tại Braun nhận xét: "Ở đất nước này việc ly dị không hề khó. Những người phụ nữ Nga sống rất phụ thuộc. Họ bị chồng đối xử hà khắc như nô lệ. Nhiều người gần như sợ hôn nhân và thích chọn tu viện hơn là gia đình" [14, tr.1863]. Việc các bà vợ muốn vào tu viện hoặc khi công việc gia đình bị bỏ bễ ông chồng phải đảm nhận việc dạy dỗ con cái thường là những cái cớ để ly dị. Có nhiều trường hợp người chồng bỏ mặc vợ con, còn bản thân đi tìm người phụ nữ khác. Trong trường hợp đó, bà vợ kết luận về sự thiếu chung thủy của chồng như sau: "Ông ấy không còn yêu tôi nữa, bởi vì ông ấy không còn đánh tôi" [14, tr.1863].

Nguyên nhân ly dị cũng có thể do một trong hai vợ chồng phạm tội. Theo tập tục, thường bà vợ phạm tội bị gửi vào tu viện. Từ năm 1723, theo sắc lệnh của Hội đồng thánh giáo người ta gửi các bà vợ bị ly dị do phạm tội đến làm việc tại trại dệt [18, tr.93-95].

Trước đó, vào những năm 1720-1722, triều đình ban hành sắc lệnh cho phép các bà vợ của những phạm nhân khổ sai được lấy chồng khác [20].

Vua Pie Đại đế cũng là một nạn nhân của cuộc hôn nhân không may mắn. Người ta tổ chức cưới vợ cho ông như những vị Sa hoàng trước đây. Người vợ xinh đẹp của ông do thái hậu lựa chọn [21, tr.65]. Nhưng hoàng hậu không thể hiểu được những hoạt động và cách sống của ông. Bà muốn luôn luôn có ông ở bên cạnh. Vua Piôt không thích cuộc sống trong hoàng cung. Khi đến Matxcơva, ông thường đến thăm khu ở của người Đức - nơi họ sống vui vẻ theo phong tục, tập quán của mình. Ở đây, phụ nữ có quyền tham dự vào những bữa tiệc và mọi thú vui của đàn ông. Cuộc sống ở khu người Đức đã có ảnh hưởng đến nhận thức của Pie Đại đế và đóng vai trò không nhỏ trong quá trình thay đổi những phong tục, tập quán thời Piôt. Bản thân Pie Đại đế cũng muốn thay đổi cuộc sống trong gia đình mình. Ông ly dị với vợ theo tập quán cũ - gửi vợ vào tu viện. Cuộc ly dị của Nga hoàng đi liền với những cải cách trong đời sống thường ngày của ông. Sau khi gửi bà vợ thứ nhất vào tu viện ông giao con trai của mình cho cô em gái yêu quý Natalia nuôi dạy, còn bản thân thì cưới tù nhân Marta Ekaterina Skavronskaia ! Cuộc hôn nhân của Nga hoàng là một vụ tai tiếng thực sự và là lời thách đố với xã hội Nga đương thời.

Vào đầu thế kỷ 18, xu hướng hôn nhân theo đẳng cấp vẫn tồn tại phổ biến ở Nga. Năm 1702, chính quyền cấm những người nông dân sống trên đất nhà thờ lấy nông nô [20, số 1920] Pie Đại đế hiểu những thành kiến hôn nhân của tầng lớp mình. Ông thấy cần phải thay đổi những phong tục tập quán hôn nhân cổ hủ đã có từ bao đời nay. Cuộc hôn nhân của ông với Ekaterina cũng gặp phải sự phản đối từ phía xã hội và nhà thờ. Vì Ekaterina sinh ra trong gia đình nông dân nghèo khổ. Đến năm 12 tuổi, bà được giáo dục tại nhà người dì ở Keisburg. Ekaterina không có thậm chí không quan tâm đến cả những hiểu biết xã hội cần thiết. Từ khi đã trở thành hoàng hậu của Pie Đại đế cho đến khi con cái đã lớn, những công việc giấy tờ thường do con gái bà là Elizabeta Petrovna ký thay.

Mặc dù có quyền lực vô song, nhưng trong một thời gian dài, Pie không thu xếp được cuộc hôn nhân của mình. Sau nhiều do dự, vào đêm trước khi ra trận trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ, ông quyết định giới thiệu Ekaterina như một người vợ hợp pháp với em gái và cháu gái mình. Đại sứ Đan Mạch kể: "Hoàng đế nói để mọi người hiểu rằng, nếu ông chết trước khi cưới bà thì sau khi ông chết đi, họ cần phải đối xử với bà như với người vợ hợp pháp của ông" [6, tr.300-301]. Pie Đại đế giải thích với Menskov khi ông này chúc mừng Hoàng đế về cuộc hôn nhân mới: "Tôi bắt buộc phải đi vào con đường không rõ ràng để không đơn chiếc, tôi cần có tổ ấm của mình. Nếu Chúa cho mọi việc kết thúc tốt đẹp thì tôi sẽ tổ chức lễ cưới ở Petecbua" [22, tr.230]. Ông thậm chí không thông báo việc này cho con trai. Hai tháng sau, ngày 7 tháng 5 năm 1711, Thái tử Aleksei nói với Ekaterina rằng: "Thưa bà, tôi nghe nói cha tôi cho phép bà tuyên bố là vợ ông. Tôi xin chúc mừng bà và tôi hy vọng rằng chúng ta sẽ giữ được mối quan hệ tốt đẹp. Tôi không dám chúc mừng cha tôi

lúc này bởi lẽ tôi chưa được thấy một giấy tờ chính thức nào" [23, tr.312]. Một lần Aleksei biểu lộ sự bất bình về việc kết hôn của cha mình và yêu cầu dành cho người tình của mình là Ephosina những quyền lợi như một công chúa: "Các ông phải biết rằng tôi sẽ cưới cô ấy, cha tôi chẳng đã làm như vậy đó sao" [23, tr.476]. Aleksei đã so sánh Ekaterina với Ephosina - một nô tì trong cung đình. Sau khi từ chiến trận trở về Pie Đại đế quyết định tổ chức đám cưới với bà Ekaterina vào ngày 19 tháng 2 năm 1712 trước sự chứng kiến của một người thân. Cuộc hôn lễ diễn ra không có linh mục và những viên chức cao cấp nhất [16, tr 70].

Trải qua một thời gian dài, Ekaterina mới nhận được tước hiệu Hoàng hậu và trở thành Hoàng hậu Nga. Năm 1724, Pie Đại đế làm lễ lên ngôi Hoàng hậu cho Ekaterina tại nhà Uspenski [24]. Hoàng hậu trang điểm lộng lẫy chưa từng thấy.

Cuộc hôn nhân của Pie Đại đế với Ekaterina mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Nếu như bản thân Pie Đại đế bằng mọi sức lực giải phóng phụ nữ Nga khỏi những hủ tục nặng nề và từng bước phá vỡ phong tục hôn nhân lạc hậu từ ngàn đời, thì Ekaterina - người xa lạ với những phong tục tập quán Nga, bằng cuộc hôn nhân của chính bản thân mình đã góp phần giải phóng người phụ nữ. Bà là một Hoàng hậu dễ mến và đáng kính. Không chỉ một lần, khi vắng Hoàng đế, bà đã làm chủ những buổi hội hè trong hoàng cung, nơi giờ đây đã xuất hiện bóng dáng phụ nữ.

Như vậy, vào đầu thế kỷ XVIII, vấn đề hôn nhân gia đình ở Nga đã thay đổi rất nhiều theo chiều hướng ngày càng tiến bộ. Pie Đại đế đã làm được nhiều điều mà trước đây người ta thậm chí không dám nghĩ tới: đó là việc phá vỡ tập tục phong kiến cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy; tôn trọng sự lựa chọn của lớp trẻ. Vai trò của người phụ nữ được nâng lên và thay đổi nhiều so với trước đây. Họ có thể tự do lựa chọn người bạn đời, hoặc li dị chồng nếu cảm thấy cuộc hôn nhân không phù hợp (dù ở một mức độ nào đó chỉ là hình thức). Họ có thể lấy người chồng khác nếu như người chồng trước đây của họ phạm trọng tội và bị tù khổ sai. Nếu như trước đây, thủ tục hôn lễ rất rườm rà thì vào thời gian này đã đơn giản hơn, được tổ chức vui vẻ hơn và mang màu sắc của nền văn hóa châu Âu. Công cuộc giải phóng phụ nữ nói chung và những thay đổi về hôn nhân gia đình nói riêng bắt đầu được bảo vệ bằng luật pháp.

Mặc dù có những hạn chế, những cải cách của Pie Đại đế về hôn nhân gia đình đã dần dần phá vỡ những tập tục cổ hủ lạc hậu của xã hội phong kiến đương thời. Đó là một trong những thành tựu có ý nghĩa lớn trong công cuộc cải cách của ông. Nó góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của chủ nghĩa tư bản ở Nga mà chính ông là người đặt nền móng. Một trang mới đã mở ra cho phụ nữ Nga. Vai trò và địa vị của người phụ nữ trong gia đình đã thay đổi đáng kể. Phụ nữ Nga từng bước tiếp cận với văn minh Tây Âu bấy giờ. Nhưng quyền bình đẳng nam nữ thực sự chỉ có thể trở thành hiện thực khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Oleari. *Miêu tả cuộc du hành đến Matxcơva*, 1906.
2. D. Phlettrer. *Về vương quốc Nga*, 1906.
3. D. Perri. *Tình hình nước Nga dưới triều đình đương đại*, 1871.
4. Ia. Ctseys. *Ba cuộc du hành*, M., 1935.
5. I.G. Korb. *Nhật ký chuyến đi Matxcơva*.
6. Iul. Iuct. *Ghi chép của Iuct Iul, Đại sứ Đan mạch tại Nga thời Pie Đại đế*, M., 1899.
7. Reitenphels, Iakov. *Những điều nói với quận công Gôlkanski đệ tam đáng kính về Matxcơva*, M. 1905.
8. M.M. Sherbatov. *Về sự ảnh hưởng phong tục ở Nga*, Petechua 1906.
9. N.A. Vaskresenski. *Những lệnh luật pháp của Piôt Đệ nhất*, 1945.
10. N.I. Koctomarov. *Về cuộc sống và phong tục của nhân dân Nga thế kỷ XVII-XVIII*, M. 1992.
11. S. Kollinz. *Tình hình nước Nga hiện nay trong bức thư gửi bạn ở Luân Đôn*, M. 1846.
12. Sắc lệnh ngày 5 tháng 1 năm 1724, *Toàn tập Luật pháp*, số **4406**, tr.197
13. M.G. Rabinovich. *Ký sự một thành phố phong kiến Nga*, 1978.
14. Ph. Veber. *Những ghi chép của Veber*, *Lưu trữ Nga* No **7 - 12**, II - III.
15. D Bruin. *Cuộc du hành qua Mátxcơ va*, M. 1873.
16. L. N. Semenova. *Nhật ký lịch sử phong tục tập quán và văn hoá trong cuộc sống Nga nửa đầu thế kỷ XVII*, 1982.
17. G. Sederberg. *Những ghi chép về tôn giáo*, 1873.
18. V.Ph.Bergon. *Nhật ký*, phần III.
19. Veber. Ph. Kh. "Những ghi chép", tr 1863
20. *Toàn tập bộ luật*, Quyển VI, số 3628
21. V.S. Shkonikov. *Người phụ nữ Nga thời kỳ trước và sau cải cách của Pie Đại đế*, Kiev, 1874.
22. *Thư từ và giấy tờ của Hoàng đế Pie Đại đế*, Quyển 11. Lần xuất bản thứ nhất, 1967.
23. N G.Ustrianov. *Lịch sử thống trị của Pie đại đế*, Quyển VI, Phụ lục.
24. Bassevich. *Những ghi chép*, Lưu trữ Nga, 1865, 611.

SOME MARRIAGE - FAMILY ISSUES  
AT PIER THE GREAT'S TERM IN RUSSIA

**Pham Xuan Hang, Doan Thi Hoa**

*Faculty of History*

*College of Social Sciences and Humanities - VNU*

When ruling Russia, Pier the Great expanded relations with many countries in Europe. He was not only concerned with developing Russia's economy, industry, and trade, but also exerted Russia's influence on the cultures of these countries such as the marriage reform in Russia at the time.

Many foreigners such as diplomats, businessmen, shipbuilding engineer wrote about the life of the Russia people, including the spiritual life of the Russian woman. Through the writings by the foreigners and the studies by current Russian historians, the article deals with the old wedding customs in Russia before the times of Pier the Great in which both men and women were unable to decide their marriage. The article also wishes to introduce Pier the Great efforts to abolish the evil customs in order to bring to men and women the right to determine their love. His efforts not only perfected the reform process but also made direct contributions to the liberation of women in Russia under his reign.